

Bản án số: 75/2025/DS-ST
Ngày 08-9-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Tân.

Ông Lâm Quang Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2025, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần L.

Địa chỉ trụ sở: L1, số B đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội (nay là phường C, thành phố Hà Nội)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T, chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lâm Thanh T1, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số E, đường T, phường B, tỉnh Cà Mau, là đại diện ủy quyền theo Quyết định số 636/2024/QĐ-CTHĐQT ngày 08/10/2024 (có đơn xin vắng).

Địa chỉ chi nhánh: Số E, đường T, Phường B, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

1/ Ông Nguyễn Văn T2, sinh ngày 01/01/1979 (vắng mặt).

2/ Bà Huỳnh Thị T3, sinh ngày 01/01/1975 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Nguyễn Thị Ái N, sinh ngày 06/10/1999 (vắng mặt).

2/ Ông Nguyễn Duy K, sinh ngày 22/11/2000 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 31/3/2025 và quá trình giải quyết, ông Lâm Thanh T1 là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần L (gọi tắt Ngân hàng, LPB) trình bày cho rằng:

Ngày 09/6/2023, Ngân hàng TMCP L với ông Nguyễn Văn T2 và bà Huỳnh Thị T3 thống nhất ký 02 Hợp đồng tín dụng, cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng số HDTD9202023185 cho ông T2 và bà T3 vay nợ gốc 380.000.000 đồng, mục đích vay để hoàn vốn chi phí sửa chữa nhà ở, thời hạn vay 180 tháng, lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân, kỳ hạn trả nợ gốc 06 tháng, trả nợ lãi 03 tháng. Đã giải Ngân cho ông T2 và bà T3 nhận đủ tiền theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9202023185/01 ngày 14/6/2023.

+ Hợp đồng tín dụng số HDTD9202023186 cho ông T2 và bà T3 vay nợ gốc 300.000.000 đồng, mục đích vay để mua sắm trang thiết bị vật dụng sinh hoạt trong gia đình, thời hạn vay 180 tháng, lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân, kỳ hạn trả nợ gốc 06 tháng, trả nợ lãi 03 tháng. Đã giải Ngân cho ông T2 và bà T3 nhận đủ tiền theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9202023186/01 ngày 14/6/2023.

Ngày 15/6/2023, Ngân hàng TMCP L đã giải ngân cho ông T2 và bà T3 theo giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Visa & JCB với số tiền 80.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng. Ông T2 và bà T3 đã nhận thẻ có đủ số tiền giải ngân.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông T2 và bà T3 đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo các hợp đồng thế chấp số HĐTC920202362 được chứng thực ngày 12/6/2023, tài sản thế chấp là thửa đất số 554, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp A, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng thuộc quyền sử hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn T2 và bà Huỳnh Thị T3 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CX 756627 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày

29/7/2020 và HĐTC920202363 được chứng thực ngày 12/6/2023, tài sản thế chấp là thửa đất số 832, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp A, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng thuộc quyền sử hữu, sử dụng của hộ ông Nguyễn Văn T2 và bà Huỳnh Thị T3 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC 554401 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 05/8/2015. Việc thế chấp tài sản có thực hiện đăng ý giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T ngày 12/6/2023.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng, ông T2 và bà T3 vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng và đã cam kết rất nhiều lần nhưng không thực hiện trả đúng cam kết.

Ngân hàng TMCP L yêu cầu ông Nguyễn Văn T2 và bà Huỳnh Thị Thanh T4 số tiền gốc và lãi tính đến ngày 11/3/2025 là 848.859.514 đồng, trong đó nợ gốc 719.493.262 đồng, lãi trong hạn 93.707.301 đồng, lãi quá hạn 35.658.951 đồng và tiếp tục chịu lãi suất quá hạn theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ. Trường hợp ông T2, bà T3 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mãi tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ.

Tại đơn xin vắng mặt và bản tự khai của ông Lâm Thanh T1 ngày 18/8/2025 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định lãi đến ngày 17/8/2025, cụ thể:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Số hợp đồng	Nợ gốc	Nợ lãi trong hạn	Nợ lãi quá hạn	Tổng cộng
1	HDTD9202023185	367.329.994	74.126.807	10.234.410	451.691.211
2	HDTD9202023186	290.000.000	58.570.027	8.084.270	356.654.297
3	Thẻ visa và JCB của Nguyễn Văn Thắng	39.106.154		23.773.919	62.880.073
4	Thẻ visa và JCB của Huỳnh Thị Thanh	23.266.621		14.067.384	37.334.005
Tổng		719.702.769	132.696.834	56.159.983	908.559.586

Yêu cầu ông Nguyễn Văn T2 và bà Huỳnh Thị Thanh P thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số HDTD9202023185; HDTD9202023186 và Giấy đề nghị mở thẻ tín dụng Visa & JCB với tổng số tiền nợ tính đến ngày 17/8/2025 là 908.559.586 đồng. Trong đó nợ gốc là 719.702.769 đồng và nợ lãi 188.856.817 đồng, gồm lãi trong hạn 132.696.834 đồng và lãi quá hạn 56.159.983 đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T2, bà Huỳnh Thị T3 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ái N, ông Nguyễn Duy K vắng mặt, quá trình giải quyết không có văn bản trình bày ý kiến.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đương sự có mặt tại phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Đối với các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định, vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến. Về nội dung thì thấy: Ông Nguyễn Văn T2, bà Huỳnh Thị T3 có ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Visa & JCB với Ngân hàng TMCP L và đã được giải ngân đủ số tiền vay. Do đó các hợp đồng đã ký có hiệu lực và giá trị pháp lý buộc các bên phải thực hiện. Tuy nhiên ông T2 và bà T3 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn nên khởi kiện của Ngân hàng đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T2 và bà Huỳnh Thị T3 là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T2 và bà Huỳnh Thị T3 hoàn trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần L số tiền nợ gốc 719.702.769 đồng và lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 17/8/2025 là 188.856.817 đồng. Đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp các bị đơn không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì thấy quyền sử dụng đất cấp cho hộ, các thành viên còn lại là Nguyễn Thị Ái N, Nguyễn Duy K biết và đồng ký thế chấp tài sản đảm bảo khoản vay của ông T2, bà T3, đồng thời các bên có đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đồng thời buộc các bị đơn phải chịu chi phí tố tụng và án phí đối với nghĩa vụ phải thực hiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T2 và bà Huỳnh Thị T3 không đăng ký kinh doanh nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các bị đơn có nơi cư trú tại xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nay là xã V, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ thụ lý, xét xử sơ thẩm theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung: Ngân hàng TMCP L khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T2 và bà Huỳnh Thị Thanh P thực hiện nghĩa vụ trả nợ và lãi tạm tính đến ngày 17/8/2025 là 908.559.586 đồng. Trong đó nợ gốc là 719.702.769 đồng và nợ lãi 188.856.817 đồng, gồm lãi trong hạn 132.696.834 đồng và lãi quá hạn 56.159.983 đồng.

Ngân hàng cung cấp bản sao chứng thực sao đúng với bản chính các hợp đồng tín dụng số HDTD9202023185, số HDTD9202023186 và hợp đồng thế chấp số HĐTC900202362, HĐTC900202363 cùng ngày 09/6/2023; phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 09/6/2023 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 554401; phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 03/5/2023 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 756627; giấy đề nghị giải ngân kiêm kê ước nhận nợ số 9202023185/01 và số 9202023186/01 cùng ngày 14/6/2023; giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng của khách hàng Nguyễn Văn T2. Và các tài liệu bản sao đóng dấu của Ngân hàng gồm giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng của khách hàng Huỳnh Thị T3 và bản biểu phí thẻ tín dụng quốc tế. Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Ngân hàng với bên vay là ông Nguyễn Văn T2 và bà Huỳnh Thị T3, bên thế chấp tài sản ông Nguyễn Văn T2, bà Huỳnh Thị T3, ông Nguyễn Duy K, bà Nguyễn Thị Ái N.

Căn cứ khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử công nhận giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Văn T2, bà Huỳnh Thị T3, ông Nguyễn Duy K, bà Nguyễn Thị Ái N có giao kết các hợp đồng nêu trên.

[3] Theo các hợp đồng tín dụng:

[3.1] Số HDTD9202023185 ngày 09/6/2023: Vợ chồng ông Nguyễn Văn T2 và bà Huỳnh Thị T3 có vay của Ngân hàng số tiền 380.000.000 đồng, mục đích để hoàn vốn chi phí sửa chữa nhà ở. Lãi suất 11,7%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần theo lãi suất cho vay được tính $L_{Scv} = L_{Scs} + \text{Margin}$ tối thiểu (4,95%/năm) (Margin tối thiểu: Biên độ lãi xuất cho vay tối thiểu áp dụng đối với khách hàng), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi xuất cho vay, lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm. Thời hạn vay 180 tháng, nợ gốc trả định kỳ 06 tháng/lần và được chia làm 30 kỳ, số tiền gốc thanh toán mỗi kỳ là 12.670.000 đồng và trả cố định vào ngày 14, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 14/12/2023 và lãi trả hàng 03 tháng theo dư nợ thực tế, kỳ trả đầu tiên ngày 14/9/2023.

[3.2] Số HDTD9202023186 ngày 09/6/2023: Vợ chồng ông Nguyễn Văn T2 và bà Huỳnh Thị T3 có vay của Ngân hàng số tiền 300.000.000 đồng, mục đích mua sắm trang thiết bị vật dụng trong gia đình. Lãi suất 11,7%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần theo lãi suất cho vay được tính $L_{Scv} = L_{Scs} + \text{Margin}$ tối thiểu (4,95%/năm) (Margin tối thiểu: Biên độ lãi xuất cho vay tối thiểu áp dụng đối với khách hàng), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi xuất cho vay, lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm. Thời hạn vay 180 tháng, nợ gốc trả định kỳ 06 tháng/lần và được chia làm 30 kỳ, số tiền gốc thanh toán mỗi kỳ là 10.000.000 đồng và trả cố định vào ngày 14, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 14/12/2023 và lãi trả hàng 03 tháng theo dư nợ thực tế, kỳ trả đầu tiên ngày 14/9/2023.

[3.3] Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, mã khách hàng 05731879 – Nguyễn Văn

T2, đăng ký sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng và mã khách hàng 05679079 – Huỳnh Thị T3, đăng ký sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng, loại thẻ Visa, JCB hạng thẻ chuẩn thì các nghĩa vụ liên quan đến việc thanh toán được thực hiện theo quy định tại bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Theo biểu phí thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng TMCP L niêm yết thì lãi suất áp dụng đối với hạn mức tín dụng được cấp là 28%/năm, lãi quá hạn là 31%/năm là phù hợp quy định.

[4] Xét thấy, các bên giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, Hợp đồng tín dụng và giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng có giá trị pháp lý và buộc các bên thực hiện đúng giao kết. Khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết việc nguyên đơn Ngân hàng TMCP L khởi kiện, nội dung yêu cầu, các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp. Tuy nhiên các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án trình bày ý kiến và không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đã từ bỏ quyền chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu của nguyên đơn dựa trên các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[4.1] Đối với hợp đồng tín dụng số HDTD9202023185 và số HDTD9202023186 thì quá trình thực hiện hợp đồng, ông T2 và bà T3 không thực hiện việc trả tiền vốn, lãi theo đúng thỏa thuận khi vi phạm lịch trả nợ gốc và thời gian trả nợ lãi tại Điều 4 các hợp đồng tín dụng và mục 15, 16 của giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 9202023185/01 và 9202023186/01 ngày 14/6/2023 nên phải chịu hậu quả theo giao kết và quy định pháp luật. Tại khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định “*Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng*” nên việc Ngân hàng yêu cầu ông T2 và bà T3 trả tiền vốn vay còn nợ 657.329.994 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ông Nguyễn Văn T2 và bà Huỳnh Thị T3 thực hiện giao dịch một phần tiền được cấp tín dụng nhưng do vi phạm nghĩa vụ trả nợ tại các hợp đồng tín dụng nêu trên nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và yêu cầu ông T2 và bà T3 hoàn trả số tiền sử dụng là 62.372.775 đồng là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về lãi suất: Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Văn T2 và bà Huỳnh Thị T3 phải thanh toán số tiền 188.856.817 đồng, gồm lãi trong hạn 132.696.834 đồng và lãi quá hạn 56.159.983 đồng. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010 quy định “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*” và khoản 1 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân

hàng N1 quy định “*Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng, trừ trường hợp Ngân hàng N1 có quy định về lãi suất cho vay tối đa tại khoản 2 Điều này*”. Như phân tích tại [3] thì yêu cầu tính lãi của Ngân hàng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, ông Nguyễn Văn T2, bà Huỳnh Thị T3, ông Nguyễn Duy K, bà Nguyễn Thị Ái N đã ký kết 02 hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐTC920202362 và số HĐTC920202363 ngày 09/6/2023. Xét thấy, về hình thức và nội dung của hợp đồng thế chấp phù hợp quy định pháp luật. Tài sản thế chấp là thửa đất số 554, tờ bản đồ số 09 thuộc quyền sử hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn T2 và bà Huỳnh Thị T3 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CX 756627 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 29/7/2020 và thửa đất số 832, tờ bản đồ số 09, thuộc quyền sử hữu, sử dụng của hộ ông Nguyễn Văn T2 và bà Huỳnh Thị T3 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC 554401 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 05/8/2015. Các thửa đất tọa lạc tại ấp A, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Kết quả xem xét, thẩm định thấy hai thửa đất nằm giáp ranh, trên đất có nhà của ông T2 và bà T3, do bị đơn vắng mặt nên không kiểm tra được diện tích và kết cấu tài sản gắn liền với đất. Vì vậy Ngân hàng yêu cầu trong trường hợp các bị đơn không có khả năng thanh toán nợ vay thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận

[7] Về chi phí tố tụng 750.000 đồng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn T2 và bà Huỳnh Thị T3 phải liên đới chịu số tiền này, số tiền ông T2 và bà T3 giao nộp được hoàn trả cho nguyên đơn.

[8] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn T2 và bà Huỳnh Thị T3 phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 95, Điều 157, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, khoản 1, 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn T2 và bà Huỳnh Thị T3 có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần L số tiền 908.559.586 đồng (chín trăm lẻ tám triệu, năm trăm năm mươi chín nghìn, năm trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó nợ gốc là 719.702.769 đồng và nợ lãi 188.856.817 đồng.

2. Kể từ ngày 18/8/2025, ông Nguyễn Văn T2 và bà Huỳnh Thị T3 còn phải tiếp tục chịu lãi theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số HDTD9202023185, số HDTD9202023186 cùng ngày 09/6/2023; giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9202023185/01, số 9202023186/01 ngày 14/6/2023; giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Visa & JCB cho đến khi thanh toán xong nợ.

3. Trường hợp ông Nguyễn Văn T2 và bà Huỳnh Thị Thanh K1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần L có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐTC920202362 ngày 09/6/2023 ngày 12/6/2023, tài sản thế chấp là thửa đất số 554, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp A, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ) thuộc quyền sử hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn T2 và bà Huỳnh Thị T3 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CX 756627 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 29/7/2020 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐTC920202363 ngày 09/6/2023 được chứng thực ngày 12/6/2023, tài sản thế chấp là thửa đất số 832, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp A, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ) thuộc quyền sử hữu, sử dụng của hộ ông Nguyễn Văn T2 và bà Huỳnh Thị T3 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC 554401 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 05/8/2015.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn T2 và bà Huỳnh Thị T3 phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền ông T2 và bà T3 giao nộp được hoàn trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần L.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T2 và bà Huỳnh Thị T3 phải chịu án phí số tiền 39.256.787 đồng (ba mươi chín triệu, hai trăm năm mươi sáu nghìn, bảy trăm tám mươi bảy đồng). Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần L không chịu án phí và được hoàn trả tiền tạm ứng 18.732.893 đồng theo biên lai thu số 0001878 ngày 23/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai